



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

Số: 2 /BXMT-TK

Về công bố báo cáo tài chính
năm 2020 đã được kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây**
2. Mã chứng khoán: **WCS**
3. Trụ sở chính: 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
4. Điện thoại: (028) 38776594 Fax: (028) 38752853
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Thành** – người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nội dung công bố thông tin:
Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây đã được kiểm toán ký ngày 2/3/2021 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán tại địa chỉ: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <http://bxmt.com.vn/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

NGUYỄN VĂN THÀNH

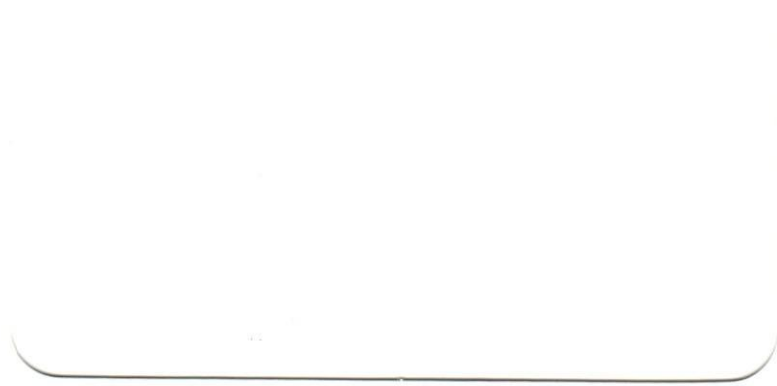


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29

300
C
KIẾ
FC
7-7

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần tư vào ngày 02 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 3 877 6594
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Thành viên
Ông Trần Văn Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021



Số: 194/2021/BCKT-HCM.00342

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.135.621.484	259.028.204.803
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	98.990.357.151	23.744.900.288
Tiền	111		4.150.357.151	19.744.900.288
Các khoản tương đương tiền	112		94.840.000.000	4.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55.768.000.000	221.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	55.768.000.000	221.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.400.465.338	11.184.396.991
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.059.791.703	7.939.382.817
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	904.642.152	395.884.343
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.532.282.394	2.922.198.664
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(96.250.911)	(73.068.833)
Hàng tồn kho	140	5.7	60.406.200	64.994.455
Hàng tồn kho	141		60.406.200	64.994.455
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.916.392.795	2.733.913.069
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	401.385.760	347.196.936
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	3.515.007.035	2.386.716.133
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.252.957.173	28.198.359.758
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		27.046.459.336	21.310.939.053
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	26.530.790.314	21.158.150.165
Nguyên giá	222		82.948.206.415	74.120.538.338
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.417.416.101)	(52.962.388.173)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	515.669.022	152.788.888
Nguyên giá	228		3.468.304.390	2.987.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.952.635.368)	(2.834.400.502)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		599.841.193	6.348.554.028
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	599.841.193	6.348.554.028
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		606.656.644	538.866.677
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	606.656.644	538.866.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.388.578.657	287.226.564.561

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		29.569.146.286	37.842.766.781
Nợ ngắn hạn	310		25.180.982.747	33.429.601.242
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.387.185.736	1.855.836.602
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	11.032.456	50.613.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.294.955.016	5.533.019.213
Phải trả người lao động	314	5.15	9.441.191.911	15.037.613.938
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	310.714.012	25.895.119
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	7.435.055.150	8.518.283.650
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	3.300.848.466	2.408.339.039
Nợ dài hạn	330		4.388.163.539	4.413.165.539
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	4.188.163.539	4.013.165.539
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.19	200.000.000	400.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.819.432.371	249.383.797.780
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	165.819.432.371	249.383.797.780
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		111.305.348.115	100.076.089.467
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.514.084.256	124.307.708.313
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		307.708.313	85.641.558.551
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		29.206.375.943	38.666.149.762
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.388.578.657	287.226.564.561

LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		111.015.268.591	133.568.769.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	111.015.268.591	133.568.769.184
Giá vốn hàng bán	11	6.2	52.507.332.575	58.636.989.532
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.507.936.016	74.931.779.652
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.393.646.821	19.134.502.566
Chi phí tài chính	22	6.4	169.056.220	96.178.083
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		169.056.220	96.178.083
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.439.961.338	11.847.683.583
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.292.565.279	82.122.420.552
Thu nhập khác	31	6.6	4.103.392.397	3.909.993.847
Chi phí khác	32	6.7	4.039.200	33.616.744
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		4.099.353.197	3.876.377.103
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.391.918.476	85.998.797.655
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	9.245.625.237	17.347.414.719
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.146.293.239	68.651.382.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		18.174	22.959



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYÊN HUÂN
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	65.391.918.476	85.998.797.655
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.185.940.117	4.939.360.208
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	23.182.078	73.068.833
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.604.820.735)	(17.643.401.024)
Chi phí lãi vay	06	169.056.220	96.178.083
Các khoản điều chỉnh khác	07	(200.000.000)	(200.000.000)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	55.965.276.156	73.264.003.755
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	1.782.450.769	4.803.413.094
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	4.588.255	52.594.817
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.455.845.751)	4.180.970.631
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(121.978.791)	(455.423.831)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(169.056.220)	(96.178.083)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.410.451.408)	(17.231.016.411)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(11.163.607.221)	(14.466.896.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	29.431.375.789	50.051.467.701
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.172.747.565)	(12.732.927.784)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	61.181.818	4.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(116.868.000.000)	(269.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	282.400.000.000	320.023.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.393.646.821	19.134.502.566
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	174.814.081.074	56.829.483.873
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	(47.940.000.000)	(43.500.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	47.940.000.000	43.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(129.000.000.000)	(100.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(129.000.000.000)	(100.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	75.245.456.863	6.880.951.574
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	23.744.900.288	16.863.948.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	98.990.357.151	23.744.900.288

LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần tư vào ngày 02 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 166 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 167 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1 - 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	588.450.523	484.222.338
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	3.561.906.628	19.260.677.950
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND (*)	94.840.000.000	4.000.000.000
	<u>98.990.357.151</u>	<u>23.744.900.288</u>

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn gửi 03 tháng, lãi suất 3,28%/năm – 3,29%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bến Thành	9.768.000.000	9.768.000.000	46.500.000.000	46.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Quận 4	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Chợ Lớn	37.000.000.000	37.000.000.000	90.500.000.000	90.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	-	-	46.000.000.000	46.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	18.400.000.000	18.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Bình Tân	-	-	19.900.000.000	19.900.000.000
	<u>55.768.000.000</u>	<u>55.768.000.000</u>	<u>221.300.000.000</u>	<u>221.300.000.000</u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,12% - 6,88%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	106.838.564	150.850.521
Công ty Cổ phần xe khách Sài Gòn	42.037.500	-
Các đối tượng khác		
Công ty CP Xe khách Phương Trang FutaBusLines và các chi nhánh	3.445.694.300	5.662.347.406
Công ty CP DV chuyển phát nhanh Phương Trang Futa	231.586.070	219.174.609
Các khách hàng khác	2.233.635.269	1.907.010.281
	<u>6.059.791.703</u>	<u>7.939.382.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Thương mại Công nghệ Cơ điện Minh Thành	254.100.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Châu Á Thái Bình Dương	570.345.679	-
Các nhà cung cấp khác	80.196.473	395.884.343
	904.642.152	395.884.343

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu khác - tiền thưởng Hội đồng quản trị	49.145.449	-	49.145.449	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	834.144.849	-	1.858.391.516	-
Lãi dự thu	149.992.096	-	401.481.699	-
Tạm ứng nhân viên	499.000.000	-	613.180.000	-
	1.532.282.394	-	2.922.198.664	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các đối tượng khác				
Nợ quá hạn từ 1 đến 3 năm				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sơn Nguyên	72.284.044	21.685.213	72.284.044	36.142.022
Công ty TNHH MTV Lube Shop Long Trung	45.627.615	13.688.284	45.627.615	22.813.807
Ông Bùi Văn Bửu	19.589.641	5.876.892	28.226.005	14.113.002
	137.501.300	41.250.389	146.137.664	73.068.831

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	73.068.833	-
Trích lập dự phòng trong năm	23.182.078	73.068.833
Tại ngày cuối năm	96.250.911	73.068.833

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.802.000	-	44.373.000	-
Hàng hóa	30.604.200	-	20.621.455	-
	60.406.200	-	64.994.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ	170.760.638	263.367.098
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	187.099.275	62.229.838
Chi phí khác	43.525.847	21.600.000
	401.385.760	347.196.936

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa	166.390.680	384.111.621
Chi phí công cụ dụng cụ	383.543.742	154.755.056
Chi phí khác	56.722.222	-
	606.656.644	538.866.677

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	67.351.013.161	4.956.863.537	1.170.445.455	642.216.185	74.120.538.338
Tăng trong năm	497.236.767	-	1.010.890.909	306.215.000	1.814.342.676
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.626.002.724	-	-	-	7.626.002.724
Giảm do thanh lý	-	(391.405.000)	-	(221.272.323)	(612.677.323)
Tại ngày 31/12/2020	75.474.252.652	4.565.458.537	2.181.336.364	727.158.862	82.948.206.415
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	47.161.637.483	4.874.368.235	341.379.920	585.002.535	52.962.388.173
Khấu hao trong năm	3.820.664.074	24.148.752	167.045.600	55.846.825	4.067.705.251
Giảm do thanh lý	-	(391.405.000)	-	(221.272.323)	(612.677.323)
Tại ngày 31/12/2020	50.982.301.557	4.507.111.987	508.425.520	419.577.037	56.417.416.101
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	20.189.375.678	82.495.302	829.065.535	57.213.650	21.158.150.165
Tại ngày 31/12/2020	24.491.951.095	58.346.550	1.672.910.844	307.581.825	26.530.790.314
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	35.354.265.602	4.453.883.537	-	308.034.771	40.116.183.910

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	877.402.000	1.425.873.503	570.613.887	113.300.000	2.987.189.390
Tăng trong năm	-	-	481.115.000	-	481.115.000
Tại ngày 31/12/2020	877.402.000	1.425.873.503	1.051.728.887	113.300.000	3.468.304.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	877.402.000	1.425.873.503	417.824.999	113.300.000	2.834.400.502
Khấu hao trong năm	-	-	118.234.866	-	118.234.866
Tại ngày 31/12/2020	877.402.000	1.425.873.503	536.059.865	113.300.000	2.952.635.368
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	-	-	152.788.888	-	152.788.888
Tại ngày 31/12/2020	-	-	515.669.022	-	515.669.022

Trong đó: - Nguyên giá
TSCĐ cuối năm đã khấu
hao hết nhưng vẫn còn
sử dụng

877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390
-------------	---------------	-------------	-------------	---------------

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Hệ thống quản lý và điều hành vận tải bằng ô tô	-	56.727.273	-	56.727.273
Cải tạo MB khu vực đậu xe qua đêm và đường giao thông nội bộ BXMT	-	872.183.438	(821.168.903)	51.014.535
Xây dựng phòng khách chờ xe và cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh công cộng	45.868.909	-	(45.868.909)	-
Mở rộng nhà xe 02 bánh	5.985.184.507	948.379.178	(6.758.964.912)	174.598.773
Trạm cấp khí CNG Bến xe Miền Tây	18.181.818	-	-	18.181.818
Cải tạo, sửa chữa khối văn phòng làm việc hiện hữu	192.046.067	-	-	192.046.067
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe Miền Tây mới"	90.909.091	-	-	90.909.091
Khoan khảo sát địa kỹ thuật "Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc"	16.363.636	-	-	16.363.636
	6.348.554.028	1.877.289.889	(7.626.002.724)	599.841.193

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hòa Phú	3.275.000	2.222.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Quốc tế Việt Nhật	342.323.024	888.492.723
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	852.445.892	852.445.892
Các nhà cung cấp khác	189.141.820	112.675.987
	<u>1.387.185.736</u>	<u>1.855.836.602</u>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	-	39.570.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH XD TM DV Hùng Hiếu	10.999.994	11.000.000
Các nhà cung cấp khác	32.462	43.681
	<u>11.032.456</u>	<u>50.613.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		31/12/2020			
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	987.944.391	-	10.295.644.886	(10.372.922.112)	910.667.165	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.545.074.822	-	9.249.664.437	(11.410.451.408)	2.384.287.851	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(2.386.716.133)	1.978.633.916	(2.992.707.397)	-	(3.400.789.614)
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	766.660.899	(880.878.320)	-	(114.217.421)
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	5.533.019.213	(2.386.716.133)	22.293.604.138	(25.659.959.237)	3.294.955.016	(3.515.007.035)

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.391.918.476	85.998.797.655
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	562.547.503	718.275.939
Các khoản điều chỉnh tăng	65.954.465.979	86.717.073.594
Thu nhập tính thuế	65.754.465.979	86.517.073.594
Trong đó:	200.000.000	200.000.000
Thu nhập chịu thuế suất 20%	65.954.465.979	86.717.073.594
Thu nhập chịu thuế suất 20% (năm 2020) và 22% (năm 2019)	13.190.893.196	17.347.414.719
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.945.267.959)	-
Thuế TNDN	9.245.625.237	17.347.414.719
Thuế TNDN tạm tính giảm 30% theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	4.039.200	4.039.200
Thuế TNDN phải nộp	9.249.664.437	17.351.453.919
Tiền lãi chậm nộp do hoàn nhập quỹ KHCN		
Chi phí thuế TNDN		

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền lương nhân viên	9.441.191.911	15.037.613.938
	<u>9.441.191.911</u>	<u>15.037.613.938</u>

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công Ty TNHH TMDV Quảng Cáo Định Hướng	91.242.874	-
Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	86.956.521	-
Công ty Cổ phần Hàm Nghi	41.958.042	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Chợ lớn	36.070.381	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Quảng cáo Hoa Sen	32.727.276	-
Công ty TNHH SX – TM XNK DV QC Thanh Huy	12.627.648	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Viễn thông Hoà Thuận Phát	9.131.270	9.156.293
Công ty Cổ phần Quảng Cáo Tương Tác	-	16.738.826
	<u>310.714.012</u>	<u>25.895.119</u>

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - cổ tức phải trả	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline – thu hộ tiền bán vé	3.896.250	16.083.500
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.450.000.000	2.450.000.000
Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải + Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	2.201.905.000	3.101.915.000
+ Các đối tượng khác	229.253.900	400.285.150
	<u>7.435.055.150</u>	<u>8.518.283.650</u>

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhận ký quỹ dài hạn – Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	42.513.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	47.985.000	44.985.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	-	12.530.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	664.977.500	652.182.500
Các đối tượng khác	3.432.688.039	3.246.748.039
	<u>4.188.163.539</u>	<u>4.013.165.539</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2020 VND	Trích quỹ VND	Tăng khác VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2020 VND
Quỹ khen thưởng	1.864.241.291	5.248.329.324	1.324.108.000	(5.409.061.667)	3.027.616.948
Quỹ phúc lợi	277.127.748	5.248.329.324	600.000	(5.425.825.554)	100.231.518
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	266.970.000	214.000.000	20.750.000	(328.720.000)	173.000.000
	2.408.339.039	10.710.658.648	1.345.458.000	(11.163.607.221)	3.300.848.466

5.19 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số đầu năm	400.000.000	600.000.000
Trích lập quỹ //(hoàn nhập quỹ)	(200.000.000)	(200.000.000)
Số cuối năm	200.000.000	400.000.000

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	25.000.000.000	86.345.812.880	179.391.558.551	290.737.371.431
Lãi trong năm	-	-	68.651.382.936	68.651.382.936
Tạm trích lập quỹ:				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	13.730.276.587	(13.730.276.587)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(10.933.956.587)	(10.933.956.587)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(321.000.000)	(321.000.000)
Chia cổ tức bổ sung	-	-	(93.750.000.000)	(93.750.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2019	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	25.000.000.000	100.076.089.467	124.307.708.313	249.383.797.780
Tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	100.076.089.467	124.307.708.313	249.383.797.780
Lãi trong năm	-	-	56.146.293.239	56.146.293.239
Tạm trích lập quỹ:				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	11.229.258.648	(11.229.258.648)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(10.496.658.648)	(10.496.658.648)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(214.000.000)	(214.000.000)
Chia cổ tức bổ sung năm 2019	-	-	(124.000.000.000)	(124.000.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2020	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	25.000.000.000	111.305.348.115	29.514.084.256	165.819.432.371

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	9.745.000.000	39%	9.745.000.000	39%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25 tháng 06 năm 2020 như sau:

	VND
- Chia cổ tức bổ sung năm 2019	: 124.000.000.000
- Tạm trích tiền chia cổ tức năm 2020	: 5.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	: 11.229.258.648

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.683.637	20.956.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.012.584.954	133.547.812.827
	111.015.268.591	133.568.769.184

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	1.269.959.854	2.253.780.910
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	399.093.469	567.923.637
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	39.677.510	139.895.289
	1.708.730.833	2.961.599.836

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	1.610.183	12.573.816
Giá vốn cung cấp dịch vụ	52.505.722.392	58.624.415.716
	52.507.332.575	58.636.989.532

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Lãi tiền gửi	13.393.646.821	18.662.962.566
	Lãi tiền cho vay	-	471.540.000
		13.393.646.821	19.134.502.566
6.4	Chi phí tài chính	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Chi phí lãi vay	169.056.220	96.178.083
		169.056.220	96.178.083
6.5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Chi phí nhân viên quản lý	7.748.887.779	9.717.052.330
	Chi phí khấu hao	472.422.006	339.760.834
	Chi phí điện	347.638.806	307.139.472
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.871.012.747	1.483.730.947
		10.439.961.338	11.847.683.583
6.6	Thu nhập khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Lãi thanh lý tài sản cố định	61.181.818	4.909.091
	Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	93.370.909	61.727.273
	Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp khác	3.067.862.148	3.237.206.856
	Thu nhập khác	880.977.522	606.150.627
		4.103.392.397	3.909.993.847
6.7	Chi phí khác	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	29.577.544
	Chi phí khác	4.039.200	4.039.200
		4.039.200	33.616.744
6.8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.146.293.239	68.651.382.936
	Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.710.658.648)	(11.254.956.587)
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.435.634.591	57.396.426.349
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.174	22.959

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	258.810.602	279.435.662
Chi phí nhân viên	46.789.318.505	54.229.733.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.185.940.117	4.939.360.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.700.503.597	7.731.873.473
Chi phí bằng tiền khác	4.012.721.092	3.304.270.197
	62.947.293.913	70.484.673.115

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	47.940.000.000	43.500.000.000
	47.940.000.000	43.500.000.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	47.940.000.000	43.500.000.000
	47.940.000.000	43.500.000.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Phải trả người bán	1.387.185.736	-	1.387.185.736
Các khoản phải trả khác	2.435.055.150	4.188.163.539	6.623.218.689
	3.822.240.886	4.188.163.539	8.010.404.425
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Phải trả người bán	1.855.836.602	-	1.855.836.602
Các khoản phải trả khác	3.518.283.650	4.013.165.539	7.531.449.189
	5.374.120.252	4.013.165.539	9.387.285.791

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	5.910.915.639	7.788.532.296	5.910.915.639	7.788.532.296
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	148.876.064	150.850.521	148.876.064	150.850.521
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.768.000.000	221.300.000.000	55.768.000.000	221.300.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.990.357.151	23.744.900.288	98.990.357.151	23.744.900.288
Tổng cộng	160.818.148.854	252.984.283.105	160.818.148.854	252.984.283.105
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	1.383.910.736	1.853.614.602	1.383.910.736	1.853.614.602
Phải trả người bán – Bên liên quan	3.275.000	2.222.000	3.275.000	2.222.000
Các khoản phải trả khác	6.623.218.689	7.531.449.189	6.623.218.689	7.531.449.189
Tổng cộng	8.010.404.425	9.387.285.791	8.010.404.425	9.387.285.791

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị	798.000.000	1.153.000.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.701.252.345	2.616.586.673
	<u>2.499.252.345</u>	<u>3.769.586.673</u>

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Lãi cho vay	-	471.540.000
	Chia cổ tức	65.790.000.000	51.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines			
	Cung cấp dịch vụ	1.269.959.854	2.253.780.910
	Thu hộ tiền bán vé	43.775.000	250.800.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn			
	Cung cấp dịch vụ	399.093.469	567.923.637
	Nhận cung cấp dịch vụ	-	6.146.046.000
Công ty Cổ phần Hòa Phú			
	Mua hàng	48.653.000	67.165.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn			
	Cung cấp dịch vụ	39.677.510	139.895.289

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Phải trả cổ tức	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu thương mại	106.838.564	150.850.521
	Phải trả ngắn hạn khác	(3.896.250)	(16.083.500)
	Phải trả dài hạn khác	(47.985.000)	(44.985.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Phải thu thương mại	42.037.500	-
	Phải trả dài hạn khác	(42.513.000)	(56.720.000)
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Phải trả thương mại	(3.275.000)	(2.222.000)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	-	(12.530.000)

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Số liệu so sánh

Một vài số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại theo thông báo kết quả kiểm toán ngày 30 tháng 11 năm 2020 của của Kiểm toán nhà nước, các khoản trình bày lại số đầu năm như sau:

	Mã số	31/12/2019 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2020 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.617.922.595	304.276.069	2.922.198.664	(*)
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2.690.992.202	(304.276.069)	2.386.716.133	(*)

(*) Điều chỉnh số liệu theo Thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước số 588/TB-KV IV ngày 30 tháng 11 năm 2020.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 28 222 00237
Fax : +84 28 222 00265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 3827 888
Fax : +84 292 3823 209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 709, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
12B/F, Hancorp Plaza,
No. 72 Tran Dang Ninh St.,
Dich Vong Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20 /BXMT-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2021

Về việc giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm 18,22% so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây.

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây giải trình về nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 so với cùng kỳ năm trước giảm 18,22% là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 128.512.307.809 đồng giảm 17,94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:


- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 111.015.268.591 đồng giảm 16,89% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: Do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19 nên lượng xe ra, vào bến và hành khách đi lại giảm sâu, dẫn đến hoạt động kinh doanh vận tải và dịch vụ đều sụt giảm.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 13.393.646.821 đồng giảm 30% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: do chi trả cổ tức năm 2019 là 129 tỷ đồng nên dòng tiền nhận rồi giảm.

- Thu nhập khác đạt 4.103.392.397 đồng tăng 4,95% so với cùng kỳ.

Tổng chi phí 63.120.389.333 đồng giảm 10,61% so với cùng kỳ, nguyên nhân: tiền lương và các khoản chi khác đều giảm do giãn cách xã hội.

Do vậy, lợi nhuận sau thuế của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt 56.146.293.239 đồng giảm 18,22% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT (TCHC).



Đặng Nguyễn Nguyên Huân